

đô thị loại I, đô thị loại II theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định công nhận đô thị loại III và đô thị loại IV theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương quyết định công nhận đô thị loại V theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện sau khi đã phê duyệt quy hoạch xây dựng và kế hoạch phát triển đô thị đối với vùng dân cư hoặc xã được đề nghị thành lập thị trấn.

Chương III

CẤP QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

Điều 16. Cơ sở xác định cấp quản lý đô thị.

Cơ sở để xác định cấp quản lý đô thị gồm:

1. Theo phân loại đô thị như sau:

a) Các thành phố trực thuộc Trung ương phải là đô thị loại đặc biệt hoặc đô thị loại I;

b) Các thành phố thuộc tỉnh phải là đô thị loại II hoặc đô thị loại III;

c) Các thị xã thuộc tỉnh hoặc thuộc thành phố trực thuộc Trung ương phải là đô thị loại III hoặc đô thị loại IV;

d) Các thị trấn thuộc huyện phải là đô thị loại IV hoặc đô thị loại V.

2. Nhu cầu tổ chức quản lý hành chính nhà nước theo lãnh thổ.

3. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch tổng thể phát triển đô thị cả nước và quy hoạch chung xây dựng đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 17. Quyết định cấp quản lý đô thị.

Việc quyết định cấp quản lý đô thị được thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 2 của Luật

Tổ chức Quốc hội và khoản 1 Điều 16 của Luật Tổ chức Chính phủ.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành.

Nghị định này thay thế cho Quyết định số 132/HĐBT ngày 05 tháng 5 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 19. Tổ chức thực hiện.

1. Bộ Xây dựng, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 73/2001/ND-CP ngày 05/10/2001 về hoạt động và tổ chức lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nghị định này quy định về hoạt động và tổ chức lực lượng bảo vệ áp dụng đối với các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức, đơn vị kinh tế thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là cơ quan, doanh nghiệp).

Những mục tiêu thuộc danh mục Nhà nước quy định do lực lượng quân đội và công an nhân dân bảo vệ không thuộc phạm vi điều chỉnh Nghị định này.

Điều 2. Trong Nghị định này, từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Nghiệp vụ bảo vệ là tổng hợp các biện pháp chuyên môn trang bị cho lực lượng bảo vệ nhằm bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn tài sản cho cơ quan, doanh nghiệp. Nghiệp vụ bảo vệ bao gồm các nội dung sau:

- a) Biện pháp hành chính;
- b) Biện pháp quần chúng;
- c) Biện pháp tuần tra, canh gác.

Điều 3. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp:

1. Chịu trách nhiệm về hoạt động bảo vệ tại cơ quan, doanh nghiệp do mình phụ trách. Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, nội quy bảo vệ tại cơ quan, doanh nghiệp. Đôn đốc, kiểm tra hoạt động bảo vệ tại cơ quan, doanh nghiệp;

2. Căn cứ yêu cầu, tính chất, quy mô của cơ quan, doanh nghiệp để quyết định hình thức tổ chức, bố trí lực lượng, kế hoạch huấn luyện và

trang bị phương tiện nghiệp vụ, làm việc cho lực lượng bảo vệ;

3. Tổ chức thực hiện những văn bản hướng dẫn nghiệp vụ của Bộ Công an về công tác bảo vệ tại cơ quan, doanh nghiệp.

Điều 4. Tiêu chuẩn nhân viên bảo vệ:

1. Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên, có lý lịch rõ ràng, đạo đức tốt, không có tiền án, có trình độ văn hóa phổ thông trung học và đủ sức khỏe đáp ứng công tác bảo vệ;

2. Phải được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ do công an cấp tỉnh trở lên tổ chức và cấp Giấy chứng nhận.

Điều 5. Trách nhiệm của Bộ Công an:

1. Quy định việc phối hợp quản lý và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ tại các cơ quan, doanh nghiệp;

2. Quy định nội dung huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ, mẫu Giấy chứng nhận nhân viên bảo vệ, mẫu trang phục, phù hiệu, biển hiệu cho lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

3. Hướng dẫn nghiệp vụ bảo vệ cho lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TỔ CHỨC VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CỦA BẢO VỆ CƠ QUAN, DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Điều 6. Lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp nhà nước có nhiệm vụ sau đây:

1. Phối hợp với công an xã, phường, thị trấn nắm vững tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội nơi cơ quan, doanh nghiệp đóng. Đề xuất với người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp xây dựng nội quy bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp; kế hoạch,

biện pháp phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trong cơ quan, doanh nghiệp;

2. Thực hiện các biện pháp nghiệp vụ theo quy định của pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ bảo vệ của công an cấp tỉnh để phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn những vi phạm nội quy bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp. Kịp thời đề xuất với người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp biện pháp xử lý;

3. Làm nòng cốt trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc trong cơ quan, doanh nghiệp, xây dựng cơ quan, doanh nghiệp an toàn. Phối hợp với các tổ chức quần chúng liên quan trong cơ quan, doanh nghiệp tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao ý thức cảnh giác cho mọi người, hướng dẫn các tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong cơ quan, doanh nghiệp;

4. Thực hiện các quy định về công tác phòng cháy, chữa cháy, giữ gìn trật tự công cộng và quản lý vũ khí, vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại (nếu có). Phối hợp với cơ quan công an giúp người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp quản lý, giáo dục người có tiền án, tiền sự, người hết hạn tù, người chấp hành xong các biện pháp xử lý hành chính khác được làm việc tại cơ quan, doanh nghiệp;

5. Trực tiếp tổ chức kiểm soát người ra vào cơ quan, doanh nghiệp. Khi có vụ việc xảy ra như: cháy, nổ, tai nạn, gây rối trật tự công cộng v.v... trong cơ quan, doanh nghiệp phải tổ chức bảo vệ hiện trường, cấp cứu nạn nhân, bắt người phạm tội quả tang và báo ngay cho cơ quan công an nơi gần nhất.

Điều 7. Lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp nhà nước có các quyền hạn sau:

1. Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận, đơn vị và cán bộ, công nhân viên trong cơ quan, doanh

nh nghiệp thực hiện các quy định của pháp luật, các văn bản pháp quy về an ninh trật tự và nội quy bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp;

2. Trong khi làm nhiệm vụ được kiểm tra giấy tờ, người, hàng hóa, phương tiện ra vào cơ quan, doanh nghiệp nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

3. Tiến hành công tác xác minh những vụ, việc xảy ra ở cơ quan, doanh nghiệp theo thẩm quyền người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp giao hoặc yêu cầu của cơ quan công an có thẩm quyền.

Điều 8. Tổ chức bảo vệ ở những cơ quan, doanh nghiệp nhà nước có quy mô lớn, quan trọng, thành lập Phòng, Ban, Tổ bảo vệ thì tổ chức bảo vệ nằm trong hệ thống tổ chức của cơ quan, doanh nghiệp. Đối với cơ quan, doanh nghiệp có tổ chức bảo vệ theo ngành dọc thì lực lượng bảo vệ cấp cơ sở phải chịu sự quản lý chỉ đạo trực tiếp của người đứng đầu đơn vị mình, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ bảo vệ của cơ quan công an và tổ chức bảo vệ cấp trên.

Điều 9. Chế độ, chính sách đối với cán bộ nhân viên bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp nhà nước:

1. Được hưởng quyền lợi, chế độ, chính sách đối với cán bộ, nhân viên bảo vệ của Nhà nước ban hành và những quy định cụ thể của cơ quan, doanh nghiệp nhà nước;

2. Được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ và bồi dưỡng kiến thức chuyên môn kỹ thuật thuộc lĩnh vực cơ quan, doanh nghiệp mình bảo vệ.

3. Những cán bộ bảo vệ thuộc biên chế, hưởng lương từ ngân sách nhà nước, có năng lực và khả năng phát triển được cơ quan, doanh nghiệp đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, đề bạt như những cán bộ khác.

06-59297
 848-3845 6684
 www.ThuVienPhapLuat.com
 LawSOS * Tel:

Chương III

**HOẠT ĐỘNG VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CỦA
LỰC LƯỢNG BẢO VỆ TẠI CÁC TỔ CHỨC,
ĐƠN VỊ KINH TẾ THÀNH LẬP THEO
LUẬT DOANH NGHIỆP, LUẬT HỢP
TÁC XÃ VÀ LUẬT ĐẦU TƯ NƯỚC
NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Điều 10. Lực lượng bảo vệ tại các tổ chức, đơn vị kinh tế thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có nhiệm vụ sau đây:

1. Xây dựng phương án, kế hoạch và nội quy bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu và tình hình an ninh, trật tự nơi cơ quan, doanh nghiệp đóng, có sự tham gia ý kiến của cơ quan công an trước khi trình Hội đồng quản trị hoặc người đứng đầu duyệt;

2. Đề xuất với Hội đồng quản trị hoặc người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp các biện pháp cụ thể bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp, bảo vệ tài sản và phòng cháy, chữa cháy trong cơ quan, doanh nghiệp;

3. Trực tiếp bảo vệ tài sản cơ quan, doanh nghiệp; thực hiện những nhiệm vụ cụ thể bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp do Hội đồng quản trị hoặc người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp giao cho;

4. Khi có vụ việc xảy ra như: cháy, nổ, tai nạn, gây rối trật tự công cộng... phải tổ chức bảo vệ hiện trường, cấp cứu nạn nhân, bắt người phạm tội quả tang và báo ngay cho cơ quan công an nơi gần nhất.

Điều 11. Lực lượng bảo vệ tại các tổ chức, đơn vị kinh tế khi làm nhiệm vụ kiểm soát người ra vào cơ quan, doanh nghiệp nếu phát hiện nghi vấn được kiểm tra giấy tờ, người, hàng hóa, phương tiện ra vào cơ quan, doanh nghiệp theo quy định.

Điều 12. Chế độ, chính sách và quyền lợi khác của nhân viên bảo vệ tại các tổ chức, đơn vị kinh tế do Hội đồng quản trị hoặc người đứng đầu cơ

quan, doanh nghiệp quyết định thông qua hợp đồng lao động có sự thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở quy định của Bộ Luật Lao động.

*Chương IV***KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 13. Tập thể, cá nhân bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ và phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, được khen thưởng theo quy định của Nhà nước và được khen thưởng của ngành công an.

Điều 14. Tập thể, cá nhân bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn bảo vệ để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

*Chương V***ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 15. Nghị định này thay thế Nghị định số 223/HĐBT ngày 19 tháng 6 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về công tác và tổ chức bảo vệ cơ quan, xí nghiệp nhà nước và cơ hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 16. Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định này.

Điều 17. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI